TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HSST
Ngày: 15 - 01 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam.

2. Bà Trần Ngọc Điệp.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phước Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2018, đối với:

1. Bị cáo: Lê Minh L, sinh năm 1993 tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Lê Thị L; bị cáo có vợ tên Lê Thị Chúc L và có 01 đứa con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/9/2018 đến ngày 04/10/2018 chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 19/3/2000; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K; có mặt.

2.2. Anh Nguyễn Văn U, sinh năm: 1994; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K; có mặt.

2.3. Bà Lê Thị L, sinh năm: 1975; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K; có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Anh Lê Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K; vắng mặt.

3.2. Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 09 năm 2018 nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Công an huyện Giồng Riềng kết hợp với Công an xã Thạnh Lộc tiến hành kiểm tra nơi ở của Lê Minh L, sinh ngày 02/8/1993, ngụ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K, thì phát hiện L và Nguyễn Văn P đang sử dụng trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra và bắt quả tang L tàng trữ trên người và nơi ở 02 (hai) bịch ma túy đá, loại Methamphetamine với tổng trọng lượng là 0,2232 gam và một số dụng cụ dùng để phục vụ cho việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Vật chứng trong vụ án thu giữ được bao gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI 1: 3548980811961061; số IMEI 2: 354898081961079 (không có sim), đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Leagoo màu đen-bạc, số IMEI 1: 35982902907198; số IMEI 2: 359829072907206 (không có sim, không mở nguồn được), đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung màu đồng, số IMEI 1: 358131/09/3747906/01; số IMEI 2: 358132/09/3747904/01, có sim số 0777.820.484 (bể kính màn hình), đã qua sử dụng;

- 02 (hai) nỏ (co) thủy tinh dùng để sử dụng trái phép chất ma túy;

- 01 (một) bộ dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 (một) chai sting nắp đỏ, 01 (một) ống hút và 01 (một) nỏ (co) thủy tinh;

- 01 (một) cây kéo bằng kim loại;

- 04 (bốn) cái hột quẹt gas đã qua sử dụng;

- 02 (hai) võ bịch nilon đã bóc một đầu, gồm một võ có kích thước 01 x 02cm và một vỏ có kích thước 02 x 02cm, nghi đã chứa chất ma túy;

- 02 (hai) bịch nilon đã được hàn kín hai đầu bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể trong suốt, không đồng nhất nghi là chất ma túy, gồm một bịch có kích thước 01 x

01cm và một bịch có kích thước 01 x 03cm. Được niêm phong trong bì thư mùa trắng, có chữ ký của người bị bắt Lê Minh L, Nguyễn Văn P, người chứng kiến Lê Văn T, Huỳnh Văn C, điều ra viên Cao Thành Mười và dấu mộc đỏ xác nhận của trưởng Công an xã Thạnh Lộc huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Tại Bản kết luận giám định số 884/KL-KTHS, ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận: Các hạt tinh thể trong suốt, không đồng nhất chứa trong 02 (hai) bịch nilon được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu gửi giám định là 0,2232 gam (Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ). Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,1921 gam và bao gói mẫu được niêm phong.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy đối với Lê Minh L.

Tại Bản cáo trạng số 39/CT-VKSGR ngày 09/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đã truy tố bị can L về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS 2015).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo L đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Kiểm sát viên luận tội căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của BLHS 2015 xử phạt Lê Minh L từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Về vật chứng của vụ án đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng trả trao trả lại tài sản là hai điện thoại di động hiệu Nokia và Leagoo cho chủ sở hữu là bà Lê Thị Thúy do không liên quan đến vụ án; tịch thu sung quỹ một điện thoại di động hiệu Samsung là công cụ, phương tiện phạm tội và tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại do không còn giá trị sử dụng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm quay về giúp ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Riềng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Lê Minh L là một đối tượng nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng cho mục đích cá nhân, L đã nhiều lần mua ma túy của Phạm Văn Tiền và Nguyễn Văn U rồi tàng trữ để sử dụng trong thời gian dài. Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27 tháng 9 năm 2018, trong lúc L và Nguyễn Văn P đang sử dụng ma túy ở nhà riêng của L tại ấp Thạnh Hiệp xã Thạnh Lộc huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang thì lực lượng Công an huyện Giồng Riềng đã bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy cùng tang vật.

Tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý quy định:

"Khoản 1: Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi quy định tại điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao cooca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroin, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR_11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

....."".

Bị cáo L đã nhiều lần mua ma túy để sử dụng, loại Methamphetamine, khối lượng ma túy bị bắt tàng trữ quả tang có khối lượng sau giám định là 0,1921 gam. Đối chiếu với các quy định trên thì hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất mua túy.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố

bị cáo L phạm tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại thời điểm phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, làm ảnh hưởng tới trật tự trị an, an toàn trong xã hội; đồng thời, còn tiếp tay, tạo điều kiện cho những kẻ chuyên buôn bán các chất ma túy tồn tại và phát triển gây ảnh hưởng đến đời sống kinh tế và sức khỏe của cộng đồng.

Tội phạm mà bị cáo L thực hiện là tội phạm nghiêm trọng vì có khung hình phạt cao nhất là 05 năm tù theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của BLHS 2015. Do đó, cần áp dụng cho bị cáo mức hình phạt tương ứng, nghiêm khắc để giao dục riêng và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo mới phạm tội lần thể hiện bị cáo có nhân thân tốt.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của BLHS 2015 thì: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".* Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo bị nghiện ma túy, không thu việc làm có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của BLHS 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng trao trả cho chủ sở hữu là bà Lê Thị T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI 1: 3548980811961061; số IMEI 2: 354898081961079 (không có sim) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Leagoo màu đen-bạc, số IMEI 1: 35982902907198; số IMEI 2: 359829072907206 (không có sim, không mở nguồn được) do không liên quan đến vụ án.

Tịch thu sung quỹ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung màu đồng, số IMEI 1: 358131/09/3747906/01; số IMEI 2: 358132/09/3747904/01, có sim số 0777.820.484 (bể kính màn hình) là công cụ, phương tiện phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng bao gồm: 02 (hai) nỏ (co) thủy tinh, 01 (một) chai sting nắp đỏ, 01 (một) ống hút , 01 (một) nỏ (co) thủy tinh, 01 (một) cây kéo bằng kim loại, 04 (bốn) cái hột quẹt gas, mẫu vật còn lại sau giám định và bao gói đựng mẫu giám định được niêm phong trong 01 (một) phong bì có ký hiệu vụ số: 884, có chữ ký của giám định viên Thái Thị Thanh T, người chứng kiến niêm phong Đỗ Chí T và hình dấu trong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang.

[6] Đối với Nguyễn Văn P là người cùng sử dụng trái phép chất ma túy với bị cáo, xét thấy hành vi không cấu thành tội phạm nên chuyển sang xử lý hành chính là đủ nghiêm.

Đối với Võ Văn Tuấn (Toàn) và Phan Văn Tiền hiện tại không có mặt ở địa phương nên cơ quan điều ra chưa làm việc được. Riêng Nguyễn Văn U không thừa nhận bán ma túy cho bị cáo L Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ và đưa ra xử lý sau.

[7] Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 9, Điều 38, Điều 47, điều 48, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo L 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng trao trả cho chủ sở hữu là bà Lê Thị T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số

IMEI 1: 3548980811961061; số IMEI 2: 354898081961079 (không có sim) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Leagoo màu đen-bạc, số IMEI 1: 35982902907198; số IMEI 2: 359829072907206 (không có sim, không mở nguồn được) do không liên quan đến vụ án.

Tịch thu sung quỹ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung màu đồng, số IMEI 1: 358131/09/3747906/01; số IMEI 2: 358132/09/3747904/01, có sim số 0777.820.484 (bể kính màn hình) là công cụ, phương tiện phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng bao gồm: 02 (hai) nỏ (co) thủy tinh, 01 (một) chai sting nắp đỏ, 01 (một) ống hút , 01 (một) nỏ (co) thủy tinh, 01 (một) cây kéo bằng kim loại, 04 (bốn) cái hột quẹt gas, mẫu vật còn lại sau giám định và bao gói đựng mẫu giám định được niêm phong trong 01 (một) phong bì có ký hiệu vụ số: 884, có chữ ký của giám định viên Thái Thị Thanh T, người chứng kiến niêm phong Đỗ Chí T và hình dấu trong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang.

3. Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Giồng Riềng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Uỷ ban nhân dân xã;
- Bị cáo;
- Người bị hại; Lưu.

Lê Cẩm Tú